

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2018

“V/v Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con”

Thanh Miện, ngày 28 tháng 11 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Nghiêm, ông Đào Đình Phúc.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Quang Khuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện.

- Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên toà số 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T** - sinh năm 1996

HKTT: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh H.

Chỗ ở: thôn X, xã H, huyện N, tỉnh H.

2- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T1** - sinh năm 1992

HKTT: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh H.

(Chị T có mặt, anh T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án nguyên đơn chị T trình bày: Chị và anh T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N ngày 29/10/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không được hoà thuận, thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T1 chơi bời, cờ bạc, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên đi không về nhà dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, chị không thể chịu đựng được thêm nữa nên đưa hai con về nhà đẻ ở, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 01/2018. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hai bên không liên lạc và không quan tâm đến nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị xin được ly hôn anh T1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Hoàng Tuấn M, sinh ngày 21/6/2015 và Hoàng Tuấn P, sinh ngày 17/10/2017, hiện đang ở cùng chị và ông bà ngoại. Ly hôn chị xin được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Hoàng Văn H (là bố đẻ anh T1) xác định: ông là bố đẻ anh T1, việc chị T khai về điều kiện kết hôn là đúng. Chị T và anh T1 sau khi kết hôn ở cùng với gia đình 01 tháng thì ra ăn ở riêng nhưng vẫn ở cùng nhà, anh chị thường xuyên mâu thuẫn, còn mâu thuẫn như thế nào ông không nắm được cụ thể, chị T đã đưa hai con về nhà đẻ ở từ tháng 01/2018. Anh T1 bỏ nhà đi từ tháng 3/2018 đến nay không liên lạc về gia đình, đến nay không có tin tức gì, không biết anh T1 hiện đang làm gì, ở đâu. Chị T xin ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Hoàng Tuấn M, sinh ngày 21/6/2015 và Hoàng Tuấn P, sinh ngày 17/10/2017, hiện đang ở với chị T. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Ông không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn anh Hoàng Văn T1.

Về con chung: Xử giao chị T nuôi dưỡng con chung là Hoàng Tuấn M, sinh ngày 21/6/2015 và Hoàng Tuấn P, sinh ngày 17/10/2017. Công nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Hoàng Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã N, huyện T, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ anh T1 cố tình dấu địa chỉ, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Phạm Thị T và anh Hoàng Văn T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N ngày 29/10/2014, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn căng thẳng do anh T1 chơi bời, cờ bạc, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, một mình chị T phải vất vả lo cho cuộc sống của chị và hai con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ tháng 01/2018 chị T đưa hai con về nhà đẻ ở, nhờ bố mẹ đẻ trông nom giúp con để có điều kiện đi làm đảm bảo cuộc sống của ba mẹ con, anh T1 không một lần quan tâm thăm hỏi. Quá trình giải quyết vụ án anh T1 cố tình dấu địa chỉ không về giải quyết. Tòa án đã thông báo nhấn tin trên Đài, Báo Trung ương, Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân để anh về giải quyết việc ly hôn, đến nay đã hết thời hạn thông báo nhưng anh không về giải quyết, cũng không cho gia đình, chị T và Tòa án biết hiện anh đang ở đâu, địa chỉ nào, gây khó khăn cho việc giải quyết ly hôn. Tòa án cũng có công văn gửi Cục quản lý xuất nhập cảnh xác định anh T1 không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh. Từ những đánh giá nêu trên, có đủ căn cứ để xác định hôn nhân của chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận nguyện vọng ly hôn của chị Phạm Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh Hoàng Văn T1 là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị T, anh T1 có 02 con chung là Hoàng Tuấn M, sinh ngày 21/6/2015 và Hoàng Tuấn P, sinh ngày 17/10/2017, hiện cả hai con đang ở với chị T. Xét nguyện vọng của chị xin được nuôi hai con chung, anh T1 bỏ nhà đi đến nay vẫn không có tin tức gì. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cho chị T nuôi dưỡng hai con chung là Hoàng Tuấn M, sinh ngày 21/6/2015 và Hoàng Tuấn P, sinh ngày 17/10/2017 và chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con đến khi các con chung trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

[4] *Về tài sản chung, vay nợ chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[5] *Về án phí*: Chị T khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ;

1- Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn T1.

2- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Hoàng Tuấn M, sinh ngày 21/6/2015 và Hoàng Tuấn P, sinh ngày 17/10/2017 đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Công nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện theo biên lai số AB/2014/0004204 ngày 12/7/2018.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Xuân Thành